Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 4203.30.00

Mã HS	4203.30.00
Mô tả hàng hóa	Hàng may mặc và đồ phụ trợ quần áo, bằng da thuộc hoặc bằng da thuộc tổng hợp / - Thắt lưng và dây đeo súng
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	12/11/2026 01:46:00
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/42033000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	37.5	37,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K6740
Thuế NK ưu đãi (MFN)	25	25%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N6740
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q6740
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-BN, KH)	0% (trừ BN, KH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-LA)	0% (trừ LA)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	2	2%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	12,5	12,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	12,5	12,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục C)	12,5	12,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	12,5	12,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	12,5	12,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	13,6	13,6%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	14.3	14,3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	25	25%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E6531
ATIGA	2022	2022	0	AT!E6486
ATIGA	2023	2023	0	AT!F6486
ATIGA	2024	2024	0	AT!G6486
ATIGA	2025	2025	0	AT!H6486
ATIGA	2026	2026	0	AT!I6486
ATIGA	2027	2027	0	AT!J6486
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	3	AJ!E6536
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F6536

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G6536
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H6536
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I6536
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J6536
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	5	VJ!E6536
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	2.5	VJ!F6536
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G6536
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H6536
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I6536
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J6536
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F6538
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H6492
AIFTA	30/12/2022	2022	5	AI!F6494
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	5	AI!G6494
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	5	AI!H6494
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	5	AI!I6494
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	5	AI!J6494
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	5	AI!K6494
VKFTA	2022	2022	0	VK!E6514
VKFTA	2023	2023	0	VK!F6514
VKFTA	2024	2024	0	VK!G6514
VKFTA	2025	2025	0	VK!H6514
VKFTA	2026	2026	0	VK!I6514
VKFTA	2027	2027	0	VK!J6514
VCFTA	2022	2022	12	VC!D6567
VCFTA	2023	2023	10	VC!E6567

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	7	VC!F6567
VCFTA	2025	2025	5	VC!G6567
VCFTA	2026	2026	2	VC!H6567
VCFTA	2027	2027	0	VC!I6567
VN-EAEU	2022	2022	6,8	EAV!D6549
VN-EAEU	2023	2023	4,5	EAV!E6549
VN-EAEU	2024	2024	2,3	EAV!F6549
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G6549
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H6549
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I6549
AHKFTA	2022	2022	25	AKH!D6557
AHKFTA	2023	2023	25	AKH!E6557
AHKFTA	2024	2024	25	AKH!F6557
AHKFTA	2025	2025	25	AKH!G6557
AHKFTA	2026	2026	25	AKH!H6557
AHKFTA	2027	2027	25	AKH!I6557
EVFTA	2022	2022	12,5	EV-NK!D6550
EVFTA	2023	2023	8,3	EV-NK!E6550
EVFTA	2024	2024	4,1	EV-NK!F6550
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G6550
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H6550
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I6550
UKVFTA	2022	2022	12,5	UKV!D6552
UKVFTA	2023	2023	8,3	UKV!E6552
UKVFTA	2024	2024	4,1	UKV!F6552
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G6552

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H6552
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I6552
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D6516
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E6516
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F6516
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G6516
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H6516
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I6516
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J6516
RCEP A	2022	2022	22,5	RCEPT-A!D6551
RCEP A	2023	2023	20	RCEPT-A!E6551
RCEP A	2024	2024	17,5	RCEPT-A!F6551
RCEP A	2025	2025	15	RCEPT-A!G6551
RCEP A	2026	2026	12,5	RCEPT-A!H6551
RCEP A	2027	2027	10	RCEPT-A!I6551
RCEP B	2022	2022	22,5	B!D6551
RCEP B	2023	2023	20	B!E6551
RCEP B	2024	2024	17,5	B!F6551
RCEP B	2025	2025	15	B!G6551
RCEP B	2026	2026	12,5	B!H6551
RCEP B	2027	2027	10	B!I6551
RCEP C	2022	2022	22,5	C!D6551
RCEP C	2023	2023	20	C!E6551
RCEP C	2024	2024	17,5	C!F6551
RCEP C	2025	2025	15	C!G6551
RCEP C	2026	2026	12,5	C!H6551

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	10	C!I6551
RCEP D	2022	2022	22,7	D!D6551
RCEP D	2023	2023	20,5	D!E6551
RCEP D	2024	2024	18,2	D!F6551
RCEP D	2025	2025	15,9	D!G6551
RCEP D	2026	2026	13,6	D!H6551
RCEP D	2027	2027	11,4	D!I6551
RCEP E	2022	2022	22,5	E!D6554
RCEP E	2023	2023	20	E!E6554
RCEP E	2024	2024	17,5	E!F6554
RCEP E	2025	2025	15	E!G6554
RCEP E	2026	2026	12,5	E!H6554
RCEP E	2027	2027	10	E!I6554
RCEP F	2022	2022	22,5	F!D6551
RCEP F	2023	2023	20	F!E6551
RCEP F	2024	2024	17,5	F!F6551
RCEP F	2025	2025	15	F!G6551
RCEP F	2026	2026	12,5	F!H6551
RCEP F	2027	2027	10	F!I6551
VIFTA	2024	2024	21.4	VI!F6051
VIFTA	2025	2025	17.9	VI!G6051
VIFTA	2026	2026	14.3	VI!H6051
VIFTA	2027	2027	10.7	VI!I6051

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: DM mặt hàng đã được cắt giảm kiểm tra chuyên ngành (765/QĐ-BCT ngày 29/03/2019)		765/QĐ-BCT	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	HH là mẫu vật động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và động vật thuộc các phụ lụcCITES (17/2023/TT-BNNPTNT)		17/2023/TT-BNNPTNT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	AHKFTA 25%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (25%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 25%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 4203.30.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 25% của mã 4203.30.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N6740), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)
HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)
HH là mẫu vật động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm và động vật thuộc các phụ lụcCITES (17/2023/TT-BNNPTNT)
DM mặt hàng đã được cắt giảm kiểm tra chuyên ngành (765/QĐ-BCT ngày 29/03/2019)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.